

Biểu 01: Dân cư*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Bình Sơn)*

TT	Huyện, thành phố	Dân tộc (người)		Lao động (người)	Cao tuổi (người)	Trẻ em (người)	Phụ nữ (người)	Neo đơn (người)	Khuyết tật (người)
		Kinh	DT khác						
1	Thôn Phước Thành	1726		1.060	115	412	525	1	24
2	Thôn Trung An	5209		2.096	185	1.202	1.034	9	59
3	Thôn Vĩnh An	2266		1.886	215	471	1.038	1	44
4	Thôn Vĩnh Trà	2460		1.795	154	575	797	2	18
5	Thôn Hải Ninh	4338		2.550	255	705	1.270	2	61
6	Thôn Mỹ Tân	5494		3.390	743	1.213	2.301	19	28
7	Thôn Quang Trung	1924		1.133	425	621	1.052	1	78
8	Thôn Bình An Nội	2450		1.439	395	688	1.388	8	55
9	Thôn Bàu Chuối	2929		2.127	239	802	1.501	0	62
10	Thôn Đông Bình	2079		1.292	261	733	1.391	4	119
11	Thôn Tây Thuận	1504		979	75	525	720	3	28
12	Thôn Đông Thuận	1090		1.047	74	43	772	2	31
13	Thôn Tiên Đào	1961		874	96	1.087	669	1	29
14	Thôn Phú Lễ 1	3040		2.014	580	1.026	1.445	2	40
15	Thôn Phú Lễ 2	2879		1.879	373	1.000	1.420	3	41
16	Thôn Phú Lộc	1259		774	83	485	566	1	19
17	Thôn Long Mỹ	1513		878	244	464	800	2	27
18	Thôn Long Xuân	1305		669	186	354	610	3	21
19	Thôn Long Hội	1618		932	260	493	845	4	29
20	Thôn Long Vĩnh	1395		685	190	363	615	2	20
21	Thôn Long Yên	1227		653	182	344	596	4	20
22	Thôn Long Bình	1336		545	153	289	512	4	18
23	Thôn Trì Bình	1655		399	232	337	547	1	41
24	Thôn Nam Bình 1	1680		761	250	386	779	4	42
25	Thôn Nam Bình 2	2038		999	271	406	928	6	38

26	Thôn Châu Tử	3392		1.573	541	686	1.563	4	92
27	Thôn Phước Bình	2918		1.267	426	689	1.328	5	68
28	Thôn Mỹ Huệ 1	2109		1.299	267	322	840	2	32
29	Thôn Mỹ Huệ 2	1326		723	195	195	480	5	13
30	Thôn Mỹ Huệ 3	1227		608	176	157	438	2	25
31	Thôn Đông Yên 1	2250		1.407	290	335	905	4	33
32	Thôn Đông Yên 2	1650		1.183	242	311	786	1	17
33	Thôn 1	2042		1200	344	219	927	1	21
34	Thôn 2	2029		1196	342	325	950	4	32
35	Thôn 3	2085		1102	359	242	935	0	31
36	Thôn 4	1219		890	320	250	603	0	14
37	Thôn 5	1628		987	355	120	732	3	22
38	Thôn 6	1964		1230	398	375	901	2	12
39	Thôn An Châu	2307		1378	412	402	1.007	2	45
40	Thôn Giao Thủy	2509		1432	435	365	1.106	4	57
	Tổng số:	87.030	0	50.331	11.338	20.017	37.622	128	1.506

1.199

2.177

Phụ lục 02: Dân sinh và Nhà ở

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Bình Sơn)

TT	Thôn	Dân sinh					Nhà ở			
		Tổng số hộ trên địa bàn	Số dân SX Nông-Lâm- Ngư (hộ)	Số dân SX phi NN (hộ)	Số hộ nghèo (hộ)	Số hộ cận nghèo (hộ)	Nhà kiên cố (nhà)	Nhà bán kiên cố (nhà)	Nhà thiếu kiên cố (nhà)	Nhà đơn sơ (nhà)
1	Thôn Phước Thành	477	350	68	9	10	410	15	2	-
2	Thôn Trung An	1513	955	365	31	25	1275	10	15	-
3	Thôn Vĩnh An	636	350	245	9	15	498	85	12	-
4	Thôn Vĩnh Trà	675	285	331	10	10	495	92	5	-
5	Thôn Hải Ninh	1225	551	428	21	31	935	64	10	-
6	Thôn Mỹ Tân	1522	1.226	300	39	52	1211	83	56	-
7	Thôn Quang Trung	566	451	201	20	26	583	56	33	-
8	Thôn Bình An Nội	743	576	240	21	26	657	63	35	-
9	Thôn Bàu Chuốc	801	52	801	24	20	708	52	24	-
10	Thôn Đông Bình	637	380	301	15	6	611	73	16	-
11	Thôn Tây Thuận	396	331	57	6	13	378	10	0	-
12	Thôn Đông Thuận	300	315	109	8	13	82	292	24	-
13	Thôn Tiên Đào	557	290	76	7	14	358	8	0	-
14	Thôn Phú Lễ 1	828	677	102	17	23	117	537	27	-
15	Thôn Phú Lễ 2	776	528	221	15	23	576	175	8	-
16	Thôn Phú Lộc	354	213	140	7	12	257	107	1	-
17	Thôn Long Mỹ	437	252	130	9	14	303	36	0	-
18	Thôn Long Xuân	367	203	134	10	8	286	30	0	-
19	Thôn Long Hội	452	207	132	7	11	375	45	0	-
20	Thôn Long Vĩnh	357	214	128	8	12	324	38	0	-
21	Thôn Long Yên	371	227	125	9	13	319	39	0	-
22	Thôn Long Bình	391	228	129	10	10	304	37	0	-
23	Thôn Trì Bình	449	305	131	8	14	326	02		-
24	Thôn Nam Bình 1	459	338	117	11	15	358	04		-
25	Thôn Nam Bình 2	591	347	201	10	18	408	02		-
26	Thôn Châu Tử	951	645	271	23	24	670	263	3	-

27	Thôn Phước Bình	801	534	210	21	17	619	03		-
28	Thôn Mỹ Huệ 1	627	465	146	11	23	129	392	2	-
29	Thôn Mỹ Huệ 2	393	275	108	7	10	75	235	3	-
30	Thôn Mỹ Huệ 3	362	258	100	3	12	345	10	3	-
31	Thôn Đông Yên 1	632	135	490	11	20	145	424	0	-
32	Thôn Đông Yên 2	555	410	127	11	7	110	396	0	-
33	Thôn 1	526	35	452	5	10	465	11	10	-
34	Thôn 2	478	38	440	5	11	425	41	4	-
35	Thôn 3	515	0	450	4	10	450	10	4	-
36	Thôn 4	331	26	346	0	7	368	7	1	-
37	Thôn 5	415	33	387	3	7	403	22	6	-
38	Thôn 6	519	100	381	7	16	454	35	6	-
39	Thôn An Châu	646	466	122	5	17	497	67	12	-
40	Thôn Giao Thủy	707	594	110	7	16	437	156	16	-
	Tổng số:	24.338	13.866	9.352	464	641	16.035	4.016	338	0

Biểu 03: Công trình có thể sơ tán dân đến trên địa bàn xã
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Bình Sơn)

STT	Thôn	Số điểm công trình sơ tán tập trung (điểm)	Sức chứa (người)	Vị trí công trình	Ghi chú
1	Thôn Phước Thành	1	450	Nhà Vòm Phi trường sân bay Chu Lai, Khu du lịch sinh thái Thiên Đường, Nhà văn hoá thôn Phước Thành	
2	Thôn Trung An	1	1.250	Khách sạn Đông Phương, Công ty gạch Tuynet và một số nhà hộ dân xây dựng kiên cố, Trường tiểu học số 1 Bình Thạnh, Nhà văn hoá thôn, trường Mẫu giáo Tây An	
3	Thôn Vĩnh An	1	855	Nhà văn hóa thôn Vĩnh An ,Trường tiểu học số 2 xã Bình Thạnh, Trạm Y tế xã Bình Thạnh, Đoàn Biên phòng Bình Thạnh và một số nhà hộ dân xây dựng kiên cố	
4	Thôn Vĩnh Trà	1	870	Hội trường UBND xã, Nhà Văn hóa thôn, Trường tiểu học số 02, Khu nhà ở của Công nhân, và một số nhà hộ dân xây dựng kiên cố	
5	Thôn Hải Ninh	3	920	Nhà Văn hóa thôn, khách sạn Hoàng Gia, Trạm kiểm soát Biên phòng và một số nhà hộ dân xây dựng kiên cố, Trường Mẫu giáo Hải Ninh	
6	Thôn Đông Bình	3	Trên 300	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 40- 60 Nhà/120 người)	
			Trên 30	Nhà văn hóa thôn (Dự kiến: 20 người)	
			Trên 300	Khách sạn Đức Long (Dự kiến: 155 người)	

7	Thôn Mỹ Tân	3	Trên 500	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 60 - 80 Nhà/150 người)	
			Trên 30	Nhà văn hóa thôn	
			Trên 50	Trường Tiểu học Bình Chánh (Dự kiến trung dụng 10 Phòng/20 người)	
8	Thôn Quang Trung	2	Trên 150	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 30 - 40 Nhà)	
			Trên 30	Nhà văn hóa thôn	
9	Thôn Bình An Nội	5	Trên 320	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 40 - 60 Nhà)	
			Trên 100	Trường MN Sao Mai Bình Chánh	
			Trên 100	UBND xã (Dự kiến trung dụng Phòng)	
			Trên 50	Công an xã (Dự phòng)	
			Trên 50	Trường tiểu học	
			Trên 50	Trạm Y tế xã (Dự kiến trung dụng 4 Phòng)	
10	Thôn Bàu Chuối	2	Trên 390	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 40 - 60 Nhà)	
			Trên 30	Nhà văn hóa thôn	
11	Thôn Đông Thuận	5	78	Trường THCS	
			400	UBND xã	
			400	Trường Tiểu học cụm Đông Thuận	
			300	Trường Mẫu Giáo cụm Đông Thuận	
			70	HTX NN 2	
12	Thôn Tây Thuận	2	100	Nhà sinh hoạt thôn	
			50	Hội trường xóm Tây 5	
13	Thôn Phú Lộc	3	400	Tòa án nhân dân huyện	
			250	Trường Tiểu học cụm Phú Lộc	
			400	Trường Lê Quý Đôn	

14	Thôn Tiên Đào	2	36	Trường Tiểu học cụm Tiên Đào	
			33	Lăng Tiên Đào	
15	Phú Lễ 2	3	50	Nhà sinh hoạt thôn	
			400	Trường Tiểu học cụm Chí Trung	
			40	Trường mẫu giáo cụm Chí Trung	
16	Phú Lễ 1	1	50	Nhà sinh hoạt thôn	
17	Thôn Long Vĩnh	3	Trên 200	Trụ sở UBND xã Bình Long	
			Trên 50	Hợp tác xã Nông nghiệp xã Bình Long thôn Long Vĩnh.	
			Trên 150	Trường Tiểu học B xã Bình Long tại thôn Long Vĩnh	
18	Thôn Long Hội	4	Trên 200	Trường THCS xã Bình Long tại thôn Long Hội.	
			Trên 100	Trạm Y tế xã Bình Long thôn Long Hội.	
			Trên 100	Trường Mẫu giáo: Thôn Long Vĩnh, Long Hội.	
			Trên 150	Trường Tiểu học A xã Bình Long tại thôn Long Hội.	
19	Thôn Long Mỹ	50	50	Nhà văn hoá thôn	
20	Thôn Long xuân	50	50	Nhà văn hoá thôn	
21	Thôn Long Yên	1	50	Nhà văn hoá thôn	
		1	Trên 300	150 nhà Kiến cổ	
22	Thôn Long Bình		50	Nhà văn hoá thôn	
23	Thôn Nam Bình 1	2	Trên 100	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 20- 30 Nhà)	
			Trên 50	Nhà văn hóa thôn Nam Bình 1	
24	Thôn Nam Bình 2	4	Trên 250	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 40- 50 Nhà)	
			Trên 70	Trụ sở UBND xã	
			Trên 150	Trường THCS (cụm 1) Dự kiến trung dụng 15 phòng	

			Trên 100	Trường Tiểu học số 1. Dự kiến trung dụng 8 phòng	
25	Thôn Trì Bình	2	Trên 250	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 50 - 60 Nhà)	
			Trên 45	Trường tiểu học số 1(cụm Trì Bình). Dự kiến trung dụng 5 phòng	
26	Thôn Châu Tử	3	Trên 480	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 90 - 100 Nhà)	
			Trên 40	Nhà tránh Lũ thôn Châu Tử	
			Trên 40	Nhà văn hóa thôn Châu Tử	
27	Thôn Phước Bình	2	Trên 400	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 70 - 80 Nhà)	
			Trên 40	Nhà văn hóa thôn Phước Bình	
28	Thôn Mỹ Huệ 1	8	Trên 250	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 40 - 55 Nhà)	
29	Thôn Mỹ Huệ 2	3	Trên 200	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 30 - 40 Nhà)	
			Trên 100	Trường Mầm non (Dự kiến 10 phòng)	
			Trên 100	Trường THCS (Dự kiến trung dụng 11 Phòng)	
30	Thôn Mỹ Huệ 3	3	Trên 150	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 25 - 30 Nhà)	
			Trên 50	Trạm Y tế xã (Dự kiến trung dụng 6 Phòng)	
			Trên 90	UBND xã (Dự kiến trung dụng 10 Phòng)	
31	Thôn Đông Yên 1	1	Trên 300	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 75 - 80 Nhà)	
32	Thôn Đông Yên 2	1	Trên 250	Nhà kiên cố của các hộ dân (Dự kiến trung dụng 50 - 65 Nhà)	
33	Thôn 1	1	1.200	Trường PTTH Lê Quý Đôn	
34	Thôn 2	3	80	Nhà văn hoá kết hợp tránh trú bão	
			200	Trường Mầm non Hoà Mi	
			600	Trường Tiểu học số 1 (Cụm số 2)	
35	Thôn 3	1	80	Nhà văn hoá kết hợp tránh trú bão	
36	Thôn 4	1	80	Nhà văn hoá kết hợp tránh trú bão	

STT	Thôn	1	ĐV	Nhà văn hoá kết hợp tránh trú bão	
37	Thôn 5	2	80	Nhà văn hoá kết hợp tránh trú bão	
			600	Trường Tiểu học số 2	
38	Thôn 6	2	80	Nhà văn hoá kết hợp tránh trú bão	
			1500	Trường THPT Bình Sơn	
39	Thôn An Châu	2	80	Nhà văn hoá kết hợp tránh trú bão	
			200	Chùa Viên Quang	
40	Thôn Giao Thủy	2	80	Nhà văn hoá kết hợp tránh trú bão	
			200	Trụ sở 2 (cũ) thị trấn	
	Tổng số:	88	19.797		

Biểu 04: Thống kê số liệu khu neo đậu tàu thuyền tr
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của U

TT	Tên	Cấp KNĐ TTB (vùng/tỉnh)	Địa chỉ	Tọa độ KNĐ TTB (Vĩ độ - N,	Độ sâu vùng nước đậu tàu (m)	Sức chức tàu cá tại vùng nước đậu	Loại tàu lớn nhất được vào KNĐ	Vị trí bắt đầu của luồng vào (Vĩ độ -
1	Không có							

Trú tránh bão

(UBND xã Bình Sơn)

Hướng của luồng	Chiều dài luồng (m)	Thông tin thường trực tại	
		Số điện thoại	Tần số liên lạc (kHz)

Biểu 05: Tổng hợp số liệu tàu thuyền đánh bắt hải sản
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND)

TT	Địa điểm	Số lượng tàu		
		Ven bờ (tàu)	Vùng lộng (tàu)	Vùng khơi (tàu)
1	Xã Bình Sơn	209	28	169

l trên biển
ND xã Bình Sơn)

	Ngư trường đánh bắt chính
Có thiết bị quan sát (tàu)	
168	Trường xa, Hoàng

Biểu 06: Tổng hợp số liệu lồng bè nuôi t
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2024

TT		Lồng (cái)	Bè (cái)	Tổng (cái)
I	NUỚC MẶN, LỢ			
1	Thôn Mỹ Tân, Vĩnh Trà, Mỹ Huệ 1, Mỹ Huệ 2 và Đông Yên 2	0	0	0
2	Thôn Nam Bình 1	2		2

rồng thủy sản
5 của UBND xã Bình Sơn)

Khu vực nuôi trồng
Nuôi Tôm thẻ chân trắng
Hồ chứa nước Hóc dục thôn Nam Bình 1

Biểu 07: Tổng hợp số liệu sản xuất nông nghiệp chính
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Bình Sơn)

TT	Xã Bình Sơn	Lúa (ha)	Hoa màu (ha)	Cây lâu năm (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Đàn gia súc (con)	Đàn gia cầm (con)
1	Thôn Phước Thành	13,00	127,00	15,00	0,00	2.300	15.060
2	Thôn Trung An	27,00	250,00	35,00	0,00	5.200	64.240
3	Thôn Vĩnh An		4,00		0,00	310	2.000
4	Thôn Vĩnh Trà		2,00		0,00	260	1.500
5	Thôn Hải Ninh		6,00		0,00	250	1.200
6	Thôn Mỹ Tân	19,00	4,00	5,00	0,00	80	3.000
7	Thôn Quang Trung	46,00	6,00	7,00	0,00	100	3.500
8	Thôn Bình An Nội	103,00	7,00	2,00	0,00	220	7.000
9	Thôn Bàu Chuối	5,00	10,00	8,00	0,00	250	5.000
10	Thôn Đông Bình	25,00	6,00	12,00	14,00	150	3.000
11	Tây Thuận	30,00	12,00	5,00	7,00	530	670
12	Động Thuận	22,40	12,30	6,00	6,50	0	650
13	Tiên Đào	24,70	28,30	4,30	4,50	350	
14	Phú Lộc	8,50	12,80	2,00	0,00	9	950
15	Phú Lễ 1	50,00	37,00	0,00	0,00	800	3.500
16	Phú Lễ 2	65	110	15	65	1.084.000	270.000
17	Thôn Long Mỹ	76,00	43,70	30,00	11,00	789	11.000
18	Thôn Long Xuân	25,00	37,00	51,00	33,00	684	12.000

19	Thôn Long Hội	50,00	48,00	54,00	32,00	853	12.000
20	Thôn Long Vĩnh	43,00	58,00	29,00	20,00	660	7.000
21	Thôn Long Yên	80,00	35,00	76,00	44,40	674	13.000
22	Thôn Long Bình	35,00	34,00	45,10	29,00	746	120.000
23	Thôn Trì Bình	59,00	6,00	6,10	300,00	980	15.059
24	Thôn Nam Bình 1	51,00	18,90	5,50	175,00	1.015	14.230
25	Thôn Nam Bình 2	44,70	16,50	1,50	43,00	1.051	13.990
26	Thôn Châu Tử	147,50	32,00	3,00	0,00	1.100	16.210
27	Thôn Phước Bình	106,00	29,50	2,90	80,91	758	10.259
28	Thôn Mỹ Huệ 1	83,65	60,40	0,00	10,00	653	21.345
29	Thôn Mỹ Huệ 2	47,88	26,30	0,00	0,00	427	12.310
30	Thôn Mỹ Huệ 3	20,55	18,99	0,00	0,00	105	8.798
31	Thôn Đông Yên 1	13,50	10,39	0,00	0,00	30	3.210
32	Thôn Đông Yên 2	59,42	54,82	0,00	22,00	533	15.347
33	Thôn 1	5,70	3,00	0,00	0,00	60	420
34	Thôn 2	0,00	1,50	0,10	0,25	38	400
35	Thôn 3	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0
36	Thôn 4	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0
37	Thôn 5	0,90	1,10	0,00	0,00	23	70
38	Thôn 6	7,26	11,27	0,00	0,00	148	1.200
39	Thôn An Châu	114,00	48,00	0,00	0,00	777	22.300
40	Thôn Giao Thủy	132,7	13,0	1,0	4,4	568	18.000
	TỔNG CỘNG	1.508,67	1.228,77	420,50	897,56	1.107.480,50	729.418

Biểu 08: Lực lượng I*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ng*

TT	Lực lượng tại chỗ	Số lượng (người)
1	Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	140
2	Thành viên VPTT BCH PCTT và TKCN	6
3	Quân sự	20
4	Biên phòng	97
5	Đội Xung Kích	45
6	Đội đảm bảo ANTT	35
7	Tổ Xung Kích thôn Phước Thành	10
8	Tổ Xung Kích thôn Trung An	9
9	Tổ Xung Kích thôn Vĩnh Trà	7
10	Tổ Xung Kích thôn Vĩnh An	10
11	Tổ Xung Kích thôn Hải Ninh	9
12	Tổ Xung Kích thôn Đông Bình	8
13	Tổ Xung Kích thôn Quang Trung	11
14	Tổ Xung Kích thôn Bình An Nội	9
15	Tổ Xung Kích thôn Bầu Chuốc	10
16	Tổ Xung Kích thôn Mỹ Tân	8
17	Tổ Xung Kích thôn Tây Thuận	11
18	Tổ Xung Kích thôn Đông Thuận	8
19	Tổ Xung Kích thôn Tiên Đào	19
20	Tổ Xung Kích thôn Phú Lễ 1	16
21	Tổ Xung Kích thôn Phú Lễ 2	16
22	Tổ Xung Kích thôn Phú Lộc	12
23	Tổ Xung Kích thôn Long Vĩnh	7
24	Tổ Xung Kích thôn Long Mỹ	8
25	Tổ Xung Kích thôn Long Xuân	8
26	Tổ Xung Kích thôn Long Yên	8
27	Tổ Xung Kích thôn Long Bình	8
28	Tổ Xung Kích thôn Long Hội	10
29	Tổ Xung Kích thôn Châu Tử	11
30	Tổ Xung Kích thôn Phước Bình	7
31	Tổ Xung Kích thôn Nam Bình 1	10
32	Tổ Xung Kích thôn Nam Bình 2	7
33	Tổ Xung Kích thôn Trì Bình	7

34	Tổ Xung Kích thôn Mỹ Huệ 1	10
35	Tổ Xung Kích thôn Mỹ Huệ 2	6
36	Tổ Xung Kích thôn Mỹ Huệ 3	11
37	Tổ Xung Kích thôn Đông Yên 1	8
38	Tổ Xung Kích thôn Đông Yên 2	10
39	Tổ Xung Kích thôn 1	8
40	Tổ Xung Kích thôn 2	8
41	Tổ Xung Kích thôn 3	9
42	Tổ Xung Kích thôn 4	7
43	Tổ Xung Kích thôn 5	9
44	Tổ Xung Kích thôn 6	8
45	Tổ Xung Kích thôn An Châu	9
46	Tổ Xung Kích thôn Giao Thủy	9
	Tổng số:	719

PCTT và TKCN

Ngày 18/2025 của UBND xã Bình Sơn)

Ghi chú
Nguyễn Văn Trọng, Chỉ huy trưởng Quân sự
Lê Văn Đoàn, Đồn trưởng đồn BP Bình Thạnh
Nguyễn Văn Trọng, Chỉ huy trưởng Quân sự
Trương Quang Vũ, Trưởng Công an
Huỳnh Trung, Trưởng thôn Phước Thành: 0376935701
Nguyễn Hoàng, Trưởng thôn Trung An: 0966230639
Nguyễn Phi Khanh, Trưởng thôn Vĩnh Trà: 0332232776
Đỗ Thị Việt, Trưởng thôn Vĩnh An: 0342936.066
Dương Duy Din, Trưởng thôn Hải Ninh: 0348486294
Phạm Thanh Quảng, Trưởng thôn Đông Bình: 0919926547
Nguyễn Thị Hồng, Trưởng thôn Quang Trung: 0918399120
Lê Văn Huyện, Trưởng thôn Bình An Nội: 0782747319
Bùi Tấn Sinh, Trưởng thôn Bàu Chuốc: 0974033170
Nguyễn Thanh Sỹ, Trưởng thôn Mỹ Tân: 0978038366
Huỳnh Thị Tuyết Tổ phó 0869997668
Võ Văn Viết, thôn Đông Thuận, 0986190151
Nguyễn Thanh Hoàng, thôn Tiên Đào, 0334340382
Bùi Văn Đông, Trưởng thôn Phú Lễ 1, 0965928938
Nguyễn Văn Tịnh, Trưởng thôn Phú Lễ 2, 0367276068
Võ Công Triều, Trưởng thôn Phú Lộc, 0867875065
Phạm Thanh Việt, Trưởng thôn Long Vĩnh, 0919480175
Lâm Thanh Phong, Trưởng thôn Long Mỹ, 0914357055
Phạm Anh Xuân, Trưởng thôn Long Xuân, 0944046674
Nguyễn Thị Kim Anh, Trưởng thôn Long Yên, 0334214522
Phan Tấn Vương, Trưởng thôn Long Bình, 0965545476
Nguyễn Thanh Vinh, Trưởng thôn Long Hội, 0962656829
Châu Ngọc Thận, Trưởng thôn Châu Tử, 0397750710
Phạm Thanh Thủy, Trưởng thôn Phước Bình
Nguyễn Văn Ảnh, Trưởng thôn Nam Bình 1, 0365954651
Huỳnh Văn Linh, Trưởng thôn Nam Bình 2, 0389509629
Nguyễn Thị Thanh Xuân, Trưởng thôn Trì Bình, 0986356927

Đoàn Cao Hóa, Trưởng thôn Mỹ Huệ 1, 0935422787
Nguyễn Văn Tiến, Trưởng thôn Mỹ Huệ 2, 0987378981
Nguyễn Nhựt, Trưởng thôn Mỹ Huệ 3, 0797486868
Nguyễn Hoàng Phương, Trưởng thôn Đông Yên 1, 0975466919
Phan Văn Dày, Trưởng thôn Đông Yên 2, 0353605679
Nguyễn Văn Quang, Trưởng thôn 1, 0914077062
Hồ Duy Tâm, Trưởng thôn 2, 0911388586
Nguyễn Tăng Châu, Trưởng thôn 3, 0913477490
Phạm Thị Ánh, Trưởng thôn 4, 0988879018
Đổng Thất Vũ Tâm, Trưởng thôn 5, 0377277177
Nguyễn Văn Dũng, Trưởng thôn 6, 0365022309
Trần Quang, Trưởng thôn An Châu, 0986351364
Nguyễn Thị Tình, Trưởng thôn Giao Thủy, 0949173620

Biểu 09: Chỉ huy và lực lượng ứng phó công tác

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của Ủy ban

TT	Xã Bình Sơn	Lực lượng ứng phó
1	Thôn Phước Thành	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Phước Thành
2	Thôn Trung An	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Trung An
3	Thôn Vĩnh Trà	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Vĩnh Trà
4	Thôn Vĩnh An	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Vĩnh An
5	Thôn Hải Ninh	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Hải Ninh
6	Thôn Mỹ Tân	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Mỹ Tân
7	Thôn Quang Trung	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Quang Trung
8	Thôn Bình An Nội	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Bình An Nội
9	Thôn Bàu Chuốc	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Bàu Chuốc
10	Thôn Đông Bình	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Đông Bình
11	Thôn Đông Thuận	Tiểu ban PCTT&TKCN thôn Đông Thuận
12	Thôn Phú Lễ 1	Tiểu ban PCTT&TKCN thôn Phú Lễ 1
13	Thôn Phú Lễ 2	Tiểu ban PCTT&TKCN thôn Phú Lễ 2
14	Thôn Phú Lộc	Tiểu ban PCTT&TKCN thôn Phú Lộc
15	Thôn Tây Thuận	Tiểu ban PCTT&TKCN thôn Tây Thuận
16	Thôn Tiên Đào	Tiểu ban PCTT&TKCN thôn Tiên Đào
17	Thôn Long Mỹ	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Long Mỹ
18	Thôn Long Xuân	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Long Xuân
19	Thôn Long Hội	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Long Hội
20	Thôn Long Vĩnh	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Long Vĩnh
21	Thôn Long Yên	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Long Yên
22	Thôn Long Bình	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Long Bình
23	Thôn Châu Tử	Tổ xung kích, đội xung kích Châu Tử
24	Thôn Phước Bình	Tổ xung kích, đội xung kích Phước Bình

25	Thôn Nam Bình 1	Tổ xung kích, đội xung kích Nam Bình 1
26	Thôn Nam Bình 2	Tổ xung kích, đội xung kích Nam Bình 2
27	Thôn Trì Bình	Tổ xung kích, đội xung kích Trì Bình
28	Thôn Mỹ Huệ 1	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Mỹ Huệ 1
29	Thôn Mỹ Huệ 2	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Mỹ Huệ 2
30	Thôn Mỹ Huệ 3	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Mỹ Huệ 3
31	Thôn Đông Yên 1	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Đông yên 1
32	Thôn Đông Yên 2	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Đông yên 2
33	Thôn 1	Tổ xung kích, đội xung kích thôn 1
34	Thôn 2	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn 2
35	Thôn 3	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn 3
36	Thôn 4	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn 4
37	Thôn 5	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn 5
38	Thôn 6	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn 6
39	Thôn An Châu	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn An Châu
40	Thôn Giao Thủy	Tổ xung kích, đội xung kích Thôn Giao Thủy
41	Dân quân tự vệ	48
42	Công an, Tổ an ninh trật tự ở cơ sở	42
43	Thanh niên xung kích	80
44	Dự bị động viên	75

ic PCTT

(UBND xã Bình Sơn)

Người chỉ huy/chức vụ
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn Phước Thành và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn Trung An và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn Vĩnh Trà và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn Vĩnh An và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn Hải Ninh và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Võ Văn Viết, thôn Đông Thuận
Bùi Văn Đông - Trưởng thôn
Nguyễn Văn Tịnh - Trưởng thôn
Võ Công Triều - Trưởng thôn
Lê Thị Thanh Kiều - Trưởng thôn
Nguyễn Thanh Hoàng - Trưởng thôn
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn Long Mỹ và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn Long Xuân và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn Long Hội và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn Long Vĩnh và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn Long Yên và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn Long Bình và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Châu Tử và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Phước Bình và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN

Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Nam Bình 1 và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Nam Bình 2 và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Trì Bình và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Nam Bình 1 và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Nam Bình 2 và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Trì Bình và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Tổ trưởng, đội trưởng xung kích Thôn và Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN
Nguyễn Khắc Hiếu - Phó Chỉ huy Quân sự
Trương Quang Vũ - Trưởng Công an
Nguyễn Thị Hồng Sen - Bí thư Đoàn xã
Nguyễn Văn Trọng-Chỉ huy trưởng Quân sự

Biểu 10: Trang thiết bị, phương tiện trên địa bàn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Bình Sơn)

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	NHU CẦU PHỤC VỤ PCTT
1	Áo phao	165
2	Phao tròn	350
3	Máy phát điện	4
4	Máy Cưa	6
5	Máy thổi	3
6	Xuồng máy	6
7	Dây điện	50
8	Dây thừng	200
9	Loa tay	15
10	Thùng	1
11	Dầm gỗ + Dầm Nhựa	10
12	Thang	1
13	Đèn Pin	51
14	Áo mưa	100
15	Bao cát	300
16	Xăng dầu	120
17	Xuồng hơi	1
18	Xe tải	10
19	Xe máy đào	5

Biểu 11: Hậu cần tại chỗ PCTT và T
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2

STT	Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi tập kết, cung ứng
1	Thôn Phước Thành, Trung An, Vĩnh Trà, Vĩnh An và Hải Ninh			
	Tiền	Triệu	50	UBND xã
	Gạo	Kg	200	Các khu sơ tán tập trung
	Mỳ tôm	Thùng	50	Các khu sơ tán tập trung
	Nước lọc	Bình	20	Các khu sơ tán tập trung
	Đèn cây	Bộ	200	Các khu sơ tán tập trung
	Chiếu	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Chăn	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Màn tyn	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Nước rửa, nước vệ sinh	Chai	20	Các khu sơ tán tập trung
	Cháo gói	Gói	50	Các khu sơ tán tập trung
	Sữa tươi	Thùng	5	Các khu sơ tán tập trung
	Cá hộp	Hộp	100	Các khu sơ tán tập trung
	Nước mắm	Chai	50	Các khu sơ tán tập trung
	Muối ăn	Gói	50	Các khu sơ tán tập trung
	Một số vật chất, trang bị, hậu cần khác đến khu sơ tán từng cá nhân tự đảm bảo.			
2	Thôn Đông Bình, Quang Trung, Bình An Nội, Bàu Chuốc và Mỹ Tân			
	Tiền	Triệu	50	UBND xã
	Gạo	Kg	1500	Các khu sơ tán tập trung
	Mỳ tôm	Thùng	150	Các khu sơ tán tập trung
	Nước đóng chai	Thùng	100	Các khu sơ tán tập trung
	Nước lọc	Bình	20	Các khu sơ tán tập trung
	Đèn cây	Bộ	200	Các khu sơ tán tập trung
	Chiếu	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Chăn	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Màn tyn	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Nước rửa, nước vệ sinh	Chai	20	Các khu sơ tán tập trung
	Cháo gói	gói	50	Các khu sơ tán tập trung
	Sữa tươi	Thùng	5	Các khu sơ tán tập trung
	Cá hộp	Hộp	100	Các khu sơ tán tập trung
	Nước mắm	Chai	50	Các khu sơ tán tập trung
	Muối ăn	gói	50	Các khu sơ tán tập trung
	Một số vật chất, trang bị, hậu cần khác đến khu sơ tán từng cá nhân tự đảm bảo.			

3	Tây Thuân, Đông Thuận, Tiên Đào, Phú Lễ 1, Phú Lễ 2 và Phú Lộc			
	Tiền	Triệu đồng	20	UBND xã
	Gạo	Kg	200	Các khu sơ tán tập trung
	Nước uống đóng chai	Thùng	250	Các khu sơ tán tập trung
	Mỳ tôm	Thùng	50	Các khu sơ tán tập trung
	Cháo gói	gói	50	Các khu sơ tán tập trung
	Sữa tươi	Thùng	5	Các khu sơ tán tập trung
	Cá hộp	Hộp	100	Các khu sơ tán tập trung
	Nước mắm	Chai	50	Các khu sơ tán tập trung
	Tôn lợp	Tấm	400	Các khu sơ tán tập trung
	Tấm lợp bằng vật liệu khác	Tấm	200	Các khu sơ tán tập trung
	Xăng, dầu diezen. Dầu hoả	lít	20	Các khu sơ tán tập trung
4	thôn Long Vĩnh, Long Mỹ, Long Xuân, Long Yên, Long Bình và Long Hội			
	Tiền	Triệu	50	UBND xã
	Gạo	Kg	2000	Các khu sơ tán tập trung
	Mỳ tôm	Thùng	100	Các khu sơ tán tập trung
	Nước lọc	Bình	20	Các khu sơ tán tập trung
	Đèn dầu	Cây	200	Các khu sơ tán tập trung
	Dầu thắp	Lít	50	Các khu sơ tán tập trung
	Chiếu	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Chăn	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Màn tyn	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Nước rửa, nước vệ sinh	Chai	20	Các khu sơ tán tập trung
	Cháo gói	gói	50	Các khu sơ tán tập trung
	Sữa tươi	Thùng	5	Các khu sơ tán tập trung
	Cá hộp	Hộp	100	Các khu sơ tán tập trung
	Nước mắm	Chai	50	Các khu sơ tán tập trung
	Muối ăn	gói	50	Các khu sơ tán tập trung
	Một số vật chất, trang bị, hậu cần khác đến khu sơ tán từng cá nhân tự đảm bảo.			
5	Thôn Châu Tử, Phước Bình, Nam Bình 1, Nam Bình 2 và Trì Bình			
	Tiền	Triệu	100	UBND xã
	Gạo	Kg	350	Các khu sơ tán tập trung
	Mỳ tôm	Thùng	100	Các khu sơ tán tập trung
	Nước lọc	Bình	50	Các khu sơ tán tập trung
	Đèn cây	Bộ	400	Các khu sơ tán tập trung

	Chiếu	Tấm	350	Các khu sơ tán tập trung
	Chăng	Tấm	350	Các khu sơ tán tập trung
	Màn tuyn	Tấm	350	Các khu sơ tán tập trung
	Nước rửa, nước vệ sinh	Chai	60	Các khu sơ tán tập trung
	Cháo gói	gói	80	Các khu sơ tán tập trung
	Sữa tươi	Thùng	15	Các khu sơ tán tập trung
	Cá hộp	Hộp	150	Các khu sơ tán tập trung
	Nước mắm	Chai	80	Các khu sơ tán tập trung
	Muối ăn	gói	80	Các khu sơ tán tập trung
	Một số vật chất, trang bị, hậu cần khác đến khu sơ tán từng cá nhân tự đảm bảo.			
6	Thôn Mỹ Huệ 1, Mỹ Huệ 2, Mỹ Huệ 3, Đông Yên 1 và Đông Yên 2			
	Tiền	Triệu	50	UBND xã
	Gạo	Kg	300	Các khu sơ tán tập trung
	Mỳ tôm	Thùng	50	Các khu sơ tán tập trung
	Nước lọc	Bình	50	Các khu sơ tán tập trung
	Đèn cây	Bộ	200	Các khu sơ tán tập trung
	Chiếu	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Chăng	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Màn tuyn	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Nước rửa, nước vệ sinh	Chai	20	Các khu sơ tán tập trung
	Cháo gói	gói	50	Các khu sơ tán tập trung
	Sữa tươi	Thùng	5	Các khu sơ tán tập trung
	Cá hộp	Hộp	100	Các khu sơ tán tập trung
	Nước mắm	Chai	50	Các khu sơ tán tập trung
	Muối ăn	gói	50	Các khu sơ tán tập trung
	Một số vật chất, trang bị, hậu cần khác đến khu sơ tán từng cá nhân tự đảm bảo.			
7	Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn An Châu và thôn Giao Thủy			
	Tiền	Triệu	50	UBND xã
	Gạo	Kg	200	Các khu sơ tán tập trung
	Mỳ tôm	Thùng	50	Các khu sơ tán tập trung
	Nước lọc	Bình	20	Các khu sơ tán tập trung
	Đèn cây	Bộ	200	Các khu sơ tán tập trung
	Chiếu	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Chăng	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Màn tuyn	Tấm	50	Các khu sơ tán tập trung
	Nước rửa, nước vệ sinh	Chai	20	Các khu sơ tán tập trung
	Cháo gói	gói	50	Các khu sơ tán tập trung
	Sữa tươi	Thùng	5	Các khu sơ tán tập trung

	Cá hộp	Hộp	100	Các khu sơ tán tập trung
	Nước mắm	Chai	50	Các khu sơ tán tập trung
	Muối ăn	gói	50	Các khu sơ tán tập trung

KCN, năm 2025

2025 của UBND xã Bình Sơn)

Người quản lý	Ghi chú
Chủ tịch UBND xã	Ngân sách xã
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	Hợp đồng cung ứng
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
	Cá nhân, hộ gia đình
Chủ tịch UBND xã	Ngân sách xã
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	Hợp đồng cung ứng
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
	Cá nhân, hộ gia đình

Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	Ngân sách xã
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	Hợp đồng cung ứng
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ tịch UBND xã	Ngân sách xã
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	Hợp đồng cung ứng
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
	Cá nhân, hộ gia đình
Chủ tịch UBND xã	Ngân sách xã
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	Hợp đồng cung ứng
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//

Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//
Chủ đại lý, các tổ, đội trưởng	//

Biểu 12: Kế hoạch sơ tán dân phòng, tránh bão trên địa bàn xã
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Bình Sơn)

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)				Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)				Cấp độ 5 (Siêu bão)			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	TỔNG CỘNG:	1.091	3.545	65	213	2.840	10.694	2.331	9.224	4.884	16.208	2.708	9.838
1	Thôn Phước Thành	20	72			185	740	163	652	250	1.000	163	652
2	Thôn Trung An	20	75			350	1.400	650	2.600	350	1.400	820	3.280
3	Thôn Vĩnh An	35	132			250	1.000	265	1.060	250	1.000	265	1.060
4	Thôn Vĩnh Trà	36	132			125	500	245	980	125	500	350	1.400
5	Thôn Hải Ninh	45	171			204	816	450	1.800	204	816	450	1.800
6	Thôn Mỹ Tân	170	510	10	50	300	1.250	15	75	500	1.520	30	90
7	Thôn Quang Trung	30	120	15	45	80	455	20	70	120	570	40	100
8	Thôn Bình An Nội	45	171			204	816	450	1.800	204	816	160	450
9	Thôn Bàu Chuốc	160	634	14	20	299	1.055	22	50	450	1.320	30	80
10	Thôn Đông Bình	112	441	10	40	221	852	25	50	370	920	40	120
11	Thôn Tây Thuận	44	150	-	-	60	191	-	-	200	830	50	126
12	Thôn Đông Thuận	50	172	-	-	72	201	-	-	210	890	55	130
13	Thôn Tiên Đào	42	152		-	60	193	-	-	200	840	50	127
14	Thôn Phú Lộc	50	60	-	-	30	45			40	80	100	120
15	Thôn Phú Lễ 1	5	12			10	25			20	70	15	40
16	Thôn Phú Lễ 2	50	75	10	50	20	90	-		2	10	5	10
17	Thôn Long Mỹ	2	9	0	0	3	14	2	9	36	70	5	12
18	Thôn Long Xuân	3	13	0	0	2	9	2	8	30	63	4	9
19	Thôn Long Hội	2	9	0	0	3	13	3	13	25	52	6	14
20	Thôn Long Vĩnh	1	3	0	0	3	12	2	9	23	45	5	13
21	Thôn Long Yên	2	8			2	9	-	-	35	71	0	0

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)				37 Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)				Cấp độ 5 (Siêu bão)			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
22	Thôn Long Bình	-	-	0	0	2	8	-	-	32	63	0	0
23	Thôn Châu Tử	36	96	0	0	50	128	0	0	70	210	11	36
24	Thôn Phước Bình	22	31	4	5	27	38	4	5	66	198	10	28
25	Nam Bình 1	11	15	0	0	15	45	1	2	51	153	8	24
26	Nam Bình 2	8	9	2	3	24	72			44	132	10	34
27	Trì Bình	20	63	0	0	22	66	1	4	43	129	4	11
28	Thôn Mỹ Huệ 1	10	30	0	0	25	75	0	0	120	360	0	0
29	Thôn Mỹ Huệ 2	7	21	0	0	15	45	0	0	90	270	0	0
30	Thôn Mỹ Huệ 3	15	45	0	0	33	99	0	0	80	240	0	0
31	Thôn Đông Yên 1	18	54	0	0	37	111	0	0	100	300	0	0
32	Thôn Đông Yên 2	20	60	0	0	40	120	0	0	110	330	0	0
33	Thôn 1					2	4			20	35		
34	Thôn 2					4	10			45	82		
35	Thôn 3					2	3			8	20		
36	Thôn 4					1	2			9	16		
37	Thôn 5					20	95	11	37	70	195	22	72
38	Thôn 6					10	25			30	120		
39	Thôn An Châu					12	24			79	150		
40	Thôn Giao Thủy					16	38			173	322		
	Tổng hợp	1.091	3.545	65	213	2.840	10.694	2.331	9.224	4.884	16.208	2.708	9.838



|

Biểu 13. Kế hoạch di dời cơ sở dân cư khi có lũ xảy ra
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Bình Sơn)

[illegible]

TT	Địa điểm	BD3 - BD3+1				41 Từ BD3 + 1 - Lũ lịch sử				Lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
26	Thôn Mỹ Huệ 1	0	0	0	0	0	0	0	0	13	39	0	0
27	Thôn Mỹ Huệ 2	0	0	0	0	0	0	0	0	8	24	0	0
28	Thôn Mỹ Huệ 3	0	0	0	0	0	0	0	0	18	54	0	0
29	Thôn Đông Yên 1	0	0	0	0	0	0	0	0	19	57	0	0
30	Thôn Đông Yên 2	0	0	0	0	0	0	0	0	22	66	0	0
31	Thôn 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Thôn 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	175	971
33	Thôn 3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	Thôn 4	11	50	0	0	0	0	0	0	0	0	11	50
35	Thôn 5	6	13	0	0	20	95	11	37	70	195	22	72
36	Thôn 6	30	120	0	0	0	0	0	0	0	0	30	120
37	Thôn An Châu	0	0	0	0	12	43	10	28	0	0	65	218
38	Thôn Giao Thủy	0	0	0	0	45	100	15	84	0	0	214	575

Biểu 14: Kế hoạch di dời, sơ tán dân phòng tránh sạt lở đất, lũ quét
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Bình Sơn)

TT	Địa điểm	Sạt lở bờ sông, bờ biển		Lũ quét		Sạt lở núi		Vùng thường xuyên bị chia cắt, ngập lụt	
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
	TỔNG CỘNG	207	659	0	0	34	106	2.994	10.159
1	Thôn Vĩnh An	54	178	0	0	0	0	0	0
2	Thôn Vĩnh Trà	47	171	0	0	0	0	99	373
3	Thôn Hải Ninh	85	295	0	0	0	0	0	0
4	Thôn Mỹ Tân	40	165	0	0	0	0	1.626	5.034
5	Thôn Quang Trung	30	95	0	0	0	0	692	2.004
6	Thôn Bình An Nội	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Thôn Bàu Chuốc	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Thôn Đông Bình	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Thôn Tây Thuận	15	30	0	0	0	0	98	1.020
10	Thôn Đông Thuận	10	28	0	0	0	0	0	0
11	Thôn Tiên Đào	6	19	0	0	0	0	0	0
12	Thôn Phú Lộc	1	7	0	0	0	0	50	120
13	Thôn Phú Lễ 1	0	0	0	0	0	0	40	120
14	Thôn Phú Lễ 2	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Thôn Châu Tử	0	0	0	0	0	0	310	1.240
16	Thôn Phước Bình	0	0	0	0	0	0	79	312
17	Thôn Nam Bình 1	0	0	0	0	11	33	0	0
18	Thôn Nam Bình 2	0	0	0	0	3	9	0	0
19	Thôn Trì Bình	0	0	0	0	20	64	19	69
20	Thôn Mỹ Huệ 1	13	39	0	0	0	0	10	30
21	Thôn Mỹ Huệ 2	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Thôn Mỹ Huệ 3	30	90	0	0	0	0	30	90
23	Thôn Đông Yên 1	19	57	0	0	0	0	0	0
24	Thôn Đông Yên 2	43	129	0	0	0	0	40	120
25	Thôn 1	0	0	0	0	0	0	0	0

[illegible]